

DANH SÁCH XÉT NÂNG BẬC LƯƠNG THƯỜNG XUYÊN ĐỐI VỚI VIÊN CHỨC ĐỢT II NĂM 2025

(Kèm theo Tờ trình số 34 /TTr-THNT ngày 03 tháng 12 năm 2025 của Trường Tiểu học Nam Thanh)

TT	HỌ VÀ TÊN	Năm sinh		Chức vụ	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Ngạch, bậc, hệ số lương hiện hưởng						Kết quả nâng bậc lương trong năm						Hệ số chênh lệch	Ghi chú	
		Nam	Nữ			Hạng	Chức danh hoặc (Mã số ngạch, Mã số hạng)	Bậc	Hệ số	Phụ cấp TN VK (%)	Hệ số CL BL	Thời điểm được xếp lương và % PCTNVK	Hạng	Bậc	Hệ số	Phụ cấp TN VK (%)	Hệ số CL BL			Thời gian tính nâng lương và % PCTNVK lần sau
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
1	Hoàng Công Thành	1981		G. Viên	ĐH	III	V.07.03.29	3	3.00			01/9/2022	III	4	3.33			01/9/2025	0.33	
2	Vũ Việt Hùng	1993		G. Viên	ĐH	III	V.07.03.29	1	2.34			1/8/2022	III	2	2.68			1/8/2025	0.34	
3	Nguyễn Thị Khánh		1970	G. Viên	ĐH	II	V.07.03.28	3	4.68			1/8/2022	II	4	5.02			1/8/2025	0.34	
4	Phạm Hải Yến		1991	Y tế	Tr.cấp	IV	V.08.03.07	5	2.66			1/12/2023	IV	6	2.86			1/12/2025	0.20	
5	Trần Thị Thu Thêm		1986	Thiết bị	Tr.cấp	IV	V.10.02.07	7	3.06			1/7/2023	IV	8	3.26			1/7/2025	0.20	

DANH SÁCH XÉT NÂNG LƯƠNG TRƯỚC THỜI HẠN ĐỐI VỚI VIÊN CHỨC ĐỢT II NĂM 2025

(Kèm theo Tờ trình số 34 /TTr-THNT ngày 03 tháng 12 năm 2025 của Trường Tiểu học Nam Thanh)

TT	HỌ VÀ TÊN	Năm sinh		Chức vụ	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Ngạch, bậc, hệ số lương hiện hưởng						Kết quả nâng bậc lương trong năm						Hệ số chênh lệch	Ghi chú	
		Nam	Nữ			Hạng	Chức danh hoặc (Mã số ngạch, Mã số hạng)	Bậc	Hệ số	Phụ cấp TN VK (%)	Hệ số CL BL	Thời điểm được xếp lương và % PCTNVK	Hạng	Bậc	Hệ số	Phụ cấp TN VK (%)	Hệ số CL BL			Thời gian tính năng lương và % PCTNVK lần sau
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
1	Nguyễn Thị Châm		1973	G. Viên	ĐH	II	V.07.03.28	5	5.36			1/8/2023	II	6	5.70			1/8/2025	0.34	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong thời gian giữ ngạch, trong đó Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học: 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022; 2022-2023,2023-2024,2024 -2025. Chiến sĩ thi đua cơ sở năm học 2018-2019,(QĐ 807/UBND) Năm học 2019-2020(QĐ 1345/QĐUBND), Năm học 2020-2021 (QĐ 1335/QĐUBND) Năm học 2021-2022 (QĐ 1261/QĐUBND), Năm học 2022-2023 (QĐ 1112/QĐUBND),Năm học 2023-2024 (QĐ 1153/QĐUBND), Năm học 2024 -2025 (QĐ 1088/QĐUBND. Giáo viên giỏi cấp thành phố năm học.2023 -2024(QĐ 334/QĐ-PGDĐT)
2	Phạm Thị Mai Hiền		1981	G. Viên	ĐH	II	V.07.03.28	3	4.68			1/2/2023	II	4	5.02			1/2/2025	0.34	Hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời gian giữ ngạch, trong đó Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học: 2020-2021; 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024;Hoàn Thành Tốt Nhiệm vụ năm học 2024 -2025 Chiến sĩ thi đua cơ sở năm học 2019-2020 (QĐ số 1345) Ủy ban nhân dân Thành phố khen 03 năm liên tục 2022- 2023(QĐ Số 1113),2023-2024(QĐ Số 1154), 2024- 2025(QĐ Số 1189)Giấy chứng nhận GV dạy giỏi cấp tỉnh năm học 2019 -2020 (QĐ số 2129 - SGDDT) Hội khuyến học TP tặng giấy khen hội thi GV giỏi cấp tỉnh năm 2019-2020 (QĐ SỐ 24/QĐKT- HKH)Giám đốc sở giáo dục và đào tạo tỉnh Điện Biên tặng giấy khen giáo viên đạt thành tích cao trong hội thi GV giỏi cấp tỉnh năm 2019- 2020 (QĐ SỐ 2132/QĐ- SGDDT). Năm học 2019- 2020 đạt gv dạy giỏi cấp TP (số 518QĐ-PGDDT). Năm học 2022-2023 đạt GV chủ nhiệm giỏi cấp TP(QĐ SỐ 38QĐ-PGDDT)Năm học 2023-2024 đạt GV dạy giỏi cấp TP(QĐ SỐ 335QĐ-PGDDT)Năm học 2023-2024 đạt giải khuyến khích trong kì thi GV dạy giỏi cấp TP(QĐ SỐ 336QĐ-PGDDT)

TT	HỌ VÀ TÊN	Năm sinh		Chức vụ	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Ngạch, bậc, hệ số lương hiện hưởng						Kết quả nâng bậc lương trong năm						Hệ số chênh lệch	Ghi chú
		Nam	Nữ			Hạng	Chức danh hoặc (Mã số ngạch, Mã số hạng)	Bậc	Hệ số	Phụ cấp TN VK (%)	Hệ số CL BL	Thời điểm được xếp lương và % PCTNVK	Hạng	Bậc	Hệ số	Phụ cấp TN VK (%)	Hệ số CL BL		
3	Lương Thị Loan		1989	G. Viên	ĐH	III	V.07.03.29	5	3.66			20/3/2023	III	6	3.99		20/3/2025	0.33	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong thời gian giữ ngạch, trong đó Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học: 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022; 2022-2023,2023-2024,2024 -2025. Chiến sĩ thi đua cơ sở năm học 2018-2019, 2022-2023, 2023-2024, 2024 -2025. UBND thành phố tặng giấy khen năm học: 2019-2020, 2021-2022; Giáo viên giỏi cấp tỉnh năm học.2019 -2020; 2023 -2024. Giám đốc Sở GD&ĐT tặng giấy khen năm học 2020-2021;CSTD cấp cơ sở năm 2026 - 2017 theo QĐ số 2194 UBND huyện nămk pồ.2 giấy khen UBND huyện Mường nhé theo QĐ số 1171, 2632 QĐ-UBND năm 2012 Gv có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua kỉ niệm 30 năm ngày nhà giáo việt nam năm 2012.
4	Nguyễn Xuân Quỳnh	1982		G. Viên	ĐH	II	V.07.03.28	1	4.00			1/8/2023	II	2	4.34		1/8/2025	0.34	Hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời gian giữ ngạch, trong đó Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học và được UBND thành phố khen 3 năm liên tục : 2021-2022;2022-2023;2023-2024. Chiến sĩ thi đua cơ sở năm học 2024- 2025. Giáo viên giỏi cấp thành phố năm 2021-2022. có 2 giải 3 cấp tỉnh cuộc thi vẽ tranh sắc màu điện biên năm 2024.

DANH SÁCH VIÊN CHỨC ĐỀ NGHỊ NÂNG PHỤ CẤP THÂM NIÊN ĐỢT II - NĂM 2025

(Kèm theo Tờ trình số 34 /TTr-THNT ngày 03 tháng 12 năm 2025 của Trường Tiểu học Nam Thanh)

TT	Họ và tên	Đơn vị	Chức vụ - chức danh	Ngày tháng năm sinh	Thời gian tính hưởng phụ cấp thâm niên	Thời điểm được hưởng phụ cấp thâm niên đợt II năm 2025	Tỷ lệ % thụ hưởng cũ	Tỷ lệ % thụ hưởng mới	Ghi chú
1	Hoàng Bích Huệ	TH Nam Thanh	Hiệu trưởng	08/01/1983	01/9/2015	01/9/2025	16%	17%	
2	Trần Thị Thu Hiền	TH Nam Thanh	P. H trưởng	27/9/1974	01/9/1997	01/9/2025	27%	28%	
3	Lâm Thị Thảo	TH Nam Thanh	Giáo viên	02/6/1970	01/09/1988	01/9/2025	36%	37%	
4	Nguyễn Thị Châm	TH Nam Thanh	Giáo viên	12/03/1973	01/09/1993	01/9/2025	31%	32%	
5	Phan Thị Lịch	TH Nam Thanh	Giáo viên	03/4/1971	01/10/1991	01/10/2025	33%	34%	
6	Nguyễn Thị Hoa (A)	TH Nam Thanh	Giáo viên	15/9/1974	01/08/1996	01/8/2025	28%	29%	
7	Trần Thị Lan Anh	TH Nam Thanh	Giáo viên	06/02/1975	01/09/1996	01/9/2025	28%	29%	
8	Nguyễn Thị Khánh	TH Nam Thanh	Giáo viên	13/5/1970	01/09/1998	01/9/2025	26%	27%	
9	Nguyễn Thị Minh Huệ	TH Nam Thanh	Giáo viên	16/05/1975	01/08/1998	01/8/2025	26%	27%	
10	Vũ Đình Hoàng	TH Nam Thanh	Giáo viên	09/12/1983	01/08/2007	15/8/2025	17%	18%	
11	Đỗ Thị Thanh	TH Nam Thanh	Giáo viên	02/01/1985	01/10/2008	01/10/2025	16%	17%	
12	Trần Thanh Quỳnh	TH Nam Thanh	Giáo viên	06/03/1989	01/09/2011	01/9/2025	13%	14%	
13	Nguyễn Xuân Quỳnh	TH Nam Thanh	Giáo viên	30/12/1982	01/10/2006	01/10/2025	18%	19%	
14	Phạm Thị Quyên	TH Nam Thanh	Giáo viên	05/05/1972	01/09/1995	01/9/2025	29%	30%	
15	Nguyễn Thị Hậu	TH Nam Thanh	Giáo viên	10/07/1988	10/9/2014	10/9/2025	14%	15%	
16	Nguyễn Thị Quyên	TH Nam Thanh	Giáo viên	15/7/1986	20/9/2014	20/9/2025	15%	16%	